| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHỤNG HIỆP**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2024
*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Hiếu
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Dương
Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 684/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thu B, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Bị đơn*: Ông Lý T, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà Phạm Thị Thu B và ông Lý T có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang năm 2015. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không quan tâm đến đời sống gia đình, kinh tế do bà tự gánh vác từ đó mâu thuẫn ngày càng nhiều, tình cảm phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc nên cả hai sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Do mục đích hôn nhân

không đạt được nên bà Phạm Thị Thu B xin ly hôn với ông Lý T; Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân bà thừa nhận có hai con chung với ông T gồm các cháu Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 03/7/2009 (giới tính: Nữ) và Phạm Thành T1, sinh ngày 14/10/2013 (giới tính: Nam), khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Lý T được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày trong vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Thu B và bị đơn ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên bà T2 Ba xin ly hôn với ông T. Để tạo điều kiện cho cả hai hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn bà T2 Ba xác định không thể hành gắn hôn nhân với ông T và cả hai đã sống ly thân khá lâu nhưng vẫn không có biện pháp hàn gắn nên không thể duy trì hôn nhân được. Bên cạnh, trong quá trình giải quyết vụ kiện ông Lý T được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt từ đó cho thấy ông T cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Thu B. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa bà Thu B và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B được ly hôn với ông Lý Thảo .

[4] Về con chung: Bà Phạm Thị Thu B yêu cầu được nuôi con chung Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 03/7/2009 (giới tính: Nữ) và Phạm Thành T1, sinh ngày 14/10/2013 (giới tính: Nam), ông Lý T không có văn bản nêu ý kiến về con chung.

Bên cạnh, các cháu N và cháu T1 có văn bản nêu ý kiến được sống chung với bà T. Xét về thời gian chung sống ổn định, nguyện vọng của các con chung nên yêu cầu nuôi con chung của bà T2 Ba được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà T2 Ba không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà T2 Ba không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu B được ly hôn với bị đơn ông Lý Thảo .

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Thu B trực tiếp nuôi con chung Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 03/7/2009 (giới tính: Nữ) và Phạm Thành T1, sinh ngày 14/10/2013 (giới tính: Nam), ông Lý T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lý T, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị T3 Ba phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006272 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Hiếu**